

Số: 13-HHXNM/TVTĐ

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2022

**BẢN TIN DỰ BÁO XÂM NHẬP MẶN KHU VỰC NAM BỘ
TỪ NGÀY 11-20/5/2022**

1. HIỆN TRẠNG XÂM NHẬP MẶN TỪ 01-10/5/2022

Tổng lượng mưa 10 ngày qua tại khu vực phổ biến từ 50-100mm, tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ có nơi trên 120mm như tại Châu Đốc (An Giang) 168mm, Bến Tre 140mm, ... Nhiệt độ cao nhất trong 10 ngày qua tại khu vực phổ biến ở ngưỡng 32-35°C, nhiệt độ thấp nhất ban đêm dao động chủ yếu ở từ 24-26°C.

Mực nước các trạm trung, hạ lưu sông Mê Công đang lên và phổ biến ở mức cao hơn TBNN (2012-2021) từ 0,2-1,2m.

Mực nước trên sông Tiền và sông Hậu dao động theo triều, mực nước cao nhất tuần tại Tân Châu là 1,46m (08/5), tại Châu Đốc 1,60m (06 và 08/5), ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ từ 0,30-0,40m.

Mực nước thủy triều trạm Vũng Tàu có xu thế giảm dần vào cuối tuần. Mực nước cao nhất tại trạm Vũng Tàu 3,88m (05/5).

Xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đang giảm dần, độ mặn ở các khu vực đang ở mức thấp hơn so với độ mặn cao nhất tháng 5/2021.

2. DỰ BÁO XÂM NHẬP MẶN TỪ 11-20/5/2022

Thời kỳ từ ngày 11 đến ngày 14/5, khu vực chủ yếu có mưa rào và dông rải rác tập trung tại khu vực ven biển miền Tây Nam Bộ, thời gian mưa chủ yếu về chiều tối và tối. Khoảng ngày 15/5 trở đi khu vực có xu hướng gia tăng mưa cả về diện và lượng, có nơi mưa vừa, mưa to.

Tổng lượng mưa 10 ngày tới tại khu vực Nam Bộ phổ biến từ 60-120mm, có nơi cao hơn. Nhiệt độ thấp nhất ban đêm trong thời kỳ dự báo phổ biến ở ngưỡng 24-26°C; nhiệt độ cao nhất dao động trong khoảng 32-35°C.

Mực nước các trạm trung, hạ lưu sông Mê Công sẽ xuống dần và ở mức cao hơn TBNN từ 0,2-0,6m.

Mực nước trên sông Tiền và sông Hậu dao động theo triều. Mực nước cao nhất tuần tại Tân Châu là 1,65m, tại Châu Đốc 1,85m, ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ từ 0,4-0,6m.

Mực nước thủy triều trạm Vũng Tàu: hiện đang ở thời kỳ triều thấp và sẽ có xu thế tăng trong những ngày tiếp theo. Cụ thể là mực nước thủy triều tăng dần từ ngày 11/5 cho đến ngày 17-18/5. Mực nước thủy triều dự tính đạt đỉnh ở mực cao nhất trong tháng là 3,98m (thời gian xuất hiện trong khoảng từ 2h-5h và 13h-15h), sau đó mực nước thủy triều sẽ có xu thế giảm dần đến cuối thời kỳ.

Mức nước thủy triều phía Biển Tây (trạm Phú Quốc): trong thời kỳ này đạt ở mức cao nhất trong tháng, mức nước thủy triều tăng dần từ ngày 11/5, đến ngày 13-14/5 mức nước thủy triều đạt mức cao nhất là 1,21m (thời gian xuất hiện trong khoảng 15h-17h), sau đó có xu thế giảm dần đến cuối thời kì.

Xu thế xâm nhập mặn từ ngày 11-20/5/2022: Xâm nhập mặn ở ĐBSCL tiếp tục giảm dần. Độ mặn cao nhất tại các trạm ở mức thấp hơn độ mặn cao nhất tháng 5/2021.

Chiều sâu ranh mặn 1g/l trong thời kỳ này có khả năng như sau:

Sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây: Phạm vi xâm nhập mặn 25-35km;

Sông Cửa Tiểu, Cửa Đại: Phạm vi xâm nhập mặn 25-30km;

Sông Hàm Luông, sông Cổ Chiên: Phạm vi xâm nhập mặn 25-30km;

Sông Hậu: Phạm vi xâm nhập mặn 20-30km;

Sông Cái Lớn: Phạm vi xâm nhập mặn 30-38km.

Chiều sâu ranh mặn 4g/l trong thời kỳ này có khả năng như sau:

Sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây: Phạm vi xâm nhập mặn 15-22km;

Sông Cửa Tiểu, Cửa Đại: Phạm vi xâm nhập mặn 20-25km;

Sông Hàm Luông, sông Cổ Chiên: Phạm vi xâm nhập mặn 15-20km;

Sông Hậu: Phạm vi xâm nhập mặn 15-20km;

Sông Cái Lớn: Phạm vi xâm nhập mặn 15-20km.

Cấp độ rủi ro thiên tai ở Đồng bằng sông Cửu Long: Cấp 1.

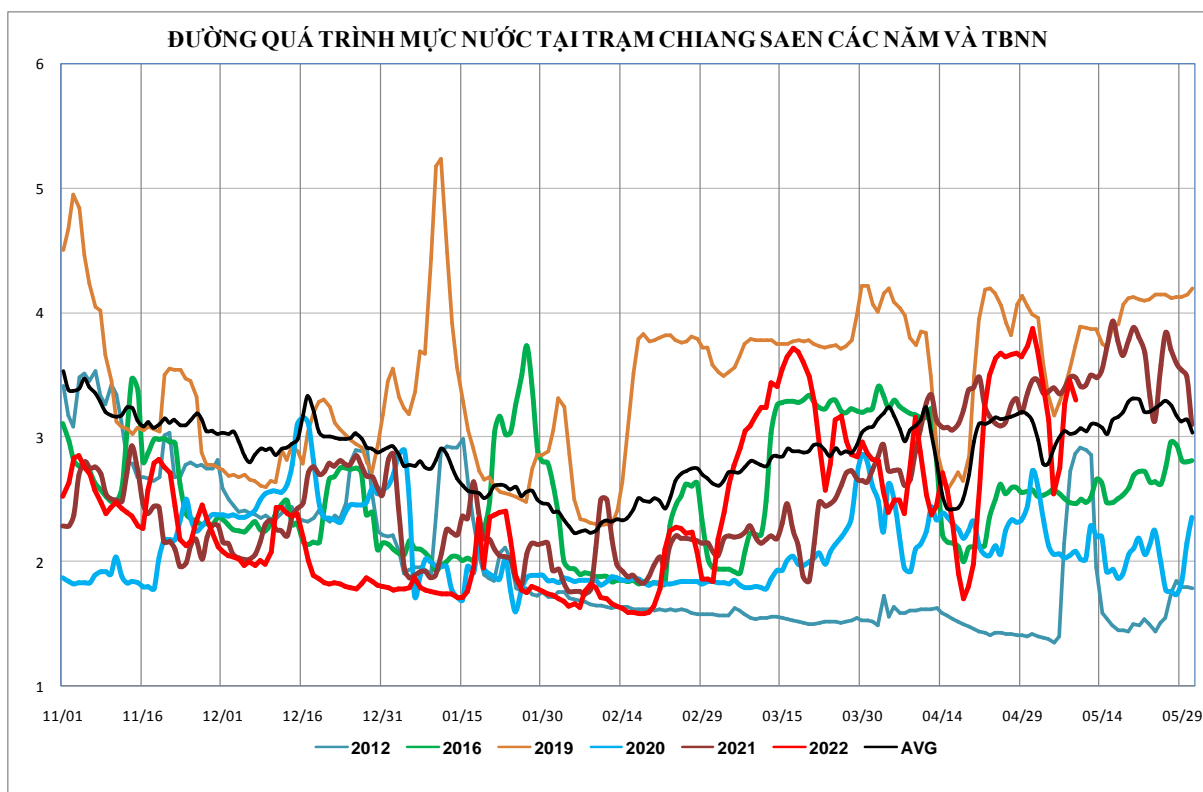
Tin phát lúc: 15h30

Soát tin: Nguyễn Ngọc Hoa

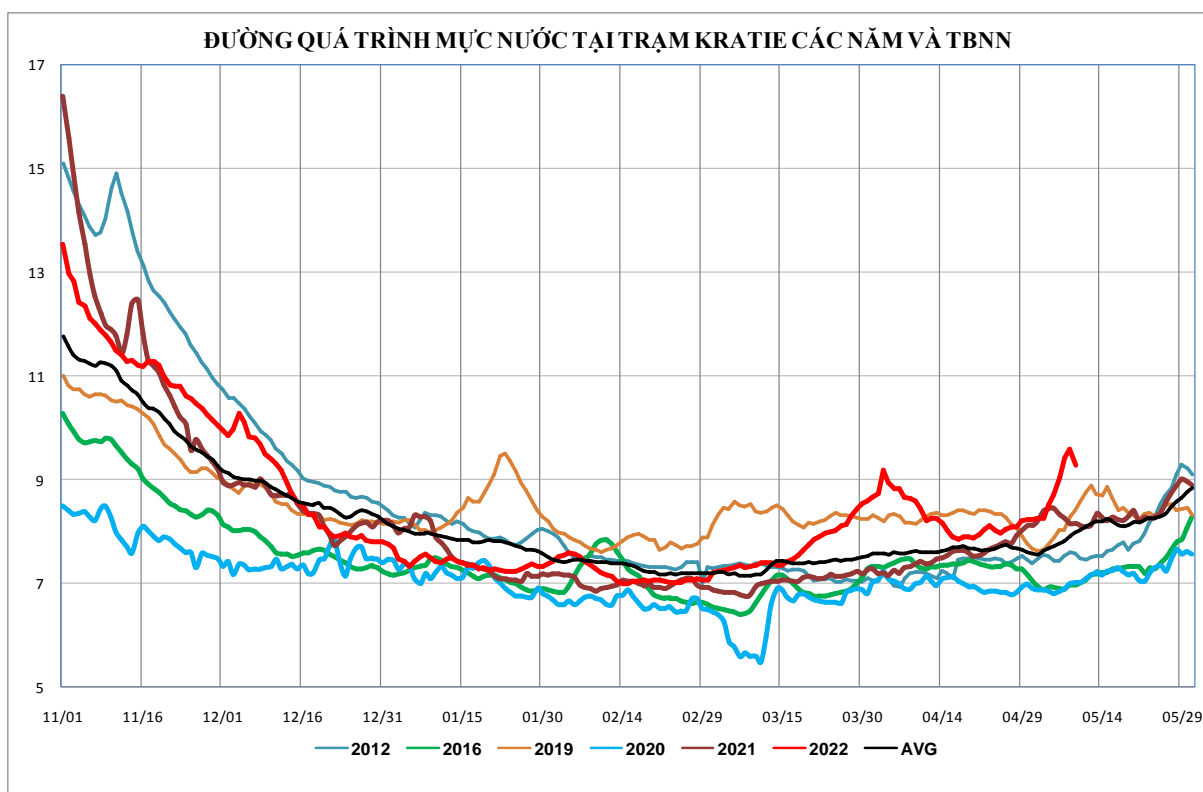
**TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG**

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục



Hình 1: Đường quá trình mực nước mùa khô năm 2021-2022 tại trạm Chiang Saen (Thái Lan)

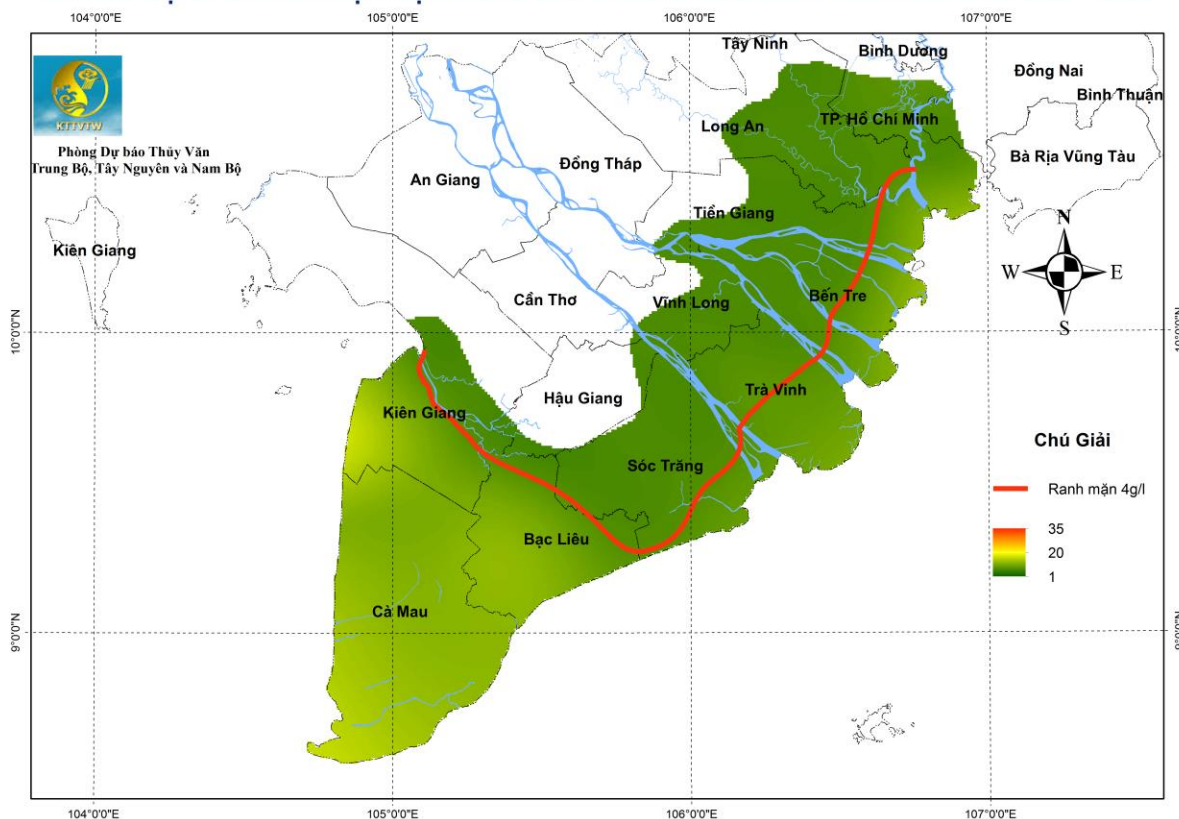


Hình 2: Đường quá trình mực nước mùa khô năm 2021-2022 tại trạm Kratie (Campuchia)

Bảng 1. Bảng độ mặn cao nhất từ ngày 01-10/5/2022

STT	Trạm	Sông	Tỉnh	K/C đến cửa sông (km)	S _{max} (g/l)	So sánh S _{max} tháng 5/2021
1	Ngã 3 Cát Lái	Vàm Cỏ	Long An	20	0.6	Nhỏ hơn 4
2	Bến Lức	Vàm Cỏ Đông	Long An	67	0.6	Nhỏ hơn 1.3
3	Xuân Khánh	Vàm Cỏ Đông	Long An	95	-	-
4	Tân An	Vàm Cỏ Tây	Long An	80	0.3	Nhỏ hơn 1.7
5	Vàm Kênh	Cửa Tiểu	Tiền Giang	2	15.1	Nhỏ hơn 6.5
6	Hòa Bình	Cửa Tiểu	Tiền Giang	18	4.4	Nhỏ hơn 3.5
7	An Định	Tiền	Tiền Giang	48	-	-
8	Bình Đại	Cửa Đại	Bến Tre	4	17.4	Nhỏ hơn 2.5
9	Lộc Thuận	Cửa Đại	Bến Tre	18	4.7	Nhỏ hơn 7.5
10	An Thuận	Hàm Luông	Bến Tre	10	14.1	Nhỏ hơn 6.5
11	Sơn Đốc	Hàm Luông	Bến Tre	20	3.7	Nhỏ hơn 4.6
12	Bến Trại	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Bến Tre	10	8.8	Nhỏ hơn 6
13	Hương Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Bến Tre	25	1.4	Nhỏ hơn 1.7
14	Hung Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Trà Vinh	17	5	Nhỏ hơn 3.8
15	Cầu Quan	Hậu (cửa Định An)	Trà Vinh	32	-	-
16	Trà Vinh	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Trà Vinh	28	0.9	Nhỏ hơn 2.4
17	Trà Kha	Hậu (cửa Định An)	Trà Vinh	7	7.5	Nhỏ hơn 1.7
18	Long Phú	Hậu (cửa Trần Đề)	Sóc Trăng	15	3.6	Nhỏ hơn 6.2
19	Đại Ngãi	Hậu (cửa Tranh Đề)	Sóc Trăng	30	0.2	Nhỏ hơn 2
20	Trần Đề	Hậu	Sóc Trăng	10	7.9	Nhỏ hơn 7.7
21	Thạnh Phú	K. Như Gia	Sóc Trăng	Nội đồng	0.4	Nhỏ hơn 0.6
22	Sóc Trăng	K. Maspero	Sóc Trăng	Nội đồng	0.6	Nhỏ hơn 0.9
23	Gành Hào	Gành Hào	Bạc Liêu	1.5	26.5	Nhỏ hơn 3.4
24	Sông Đốc	Sông Đốc	Cà Mau	-	33.8	Nhỏ hơn 0.7
25	Rạch Giá	Kiên	Kiên Giang	0	0.2	Nhỏ hơn 0.4
26	Gò Quao	Cái Lớn	Kiên Giang	35	2.1	Nhỏ hơn 1.8
27	An Ninh	Cái Bé	Kiên Giang	8	1.7	Nhỏ hơn 4.1

BẢN ĐỒ DỰ BÁO XÂM NHẬP MẶN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG MÙA KHÔ NĂM 2021 - 2022



Hình 3. Bản đồ phân bố độ mặn từ 01-10/5/2022

Bảng 2. Bảng dự báo độ mặn cao nhất từ ngày 11-20/5/2022

STT	Trạm	Sông	Tỉnh	K/C đến cửa sông (km)	Smax (g/l)
1	Cát Lái	Sài Gòn	Hồ Chí Minh	58	0.5
2	Bến Lức	Vàm Cỏ Đông	Long An	67	0.5
3	Xuân Khánh	Vàm Cỏ Đông	Long An	95	-
4	Tân An	Vàm Cỏ Tây	Long An	80	0.2
5	Vàm Kênh	Cửa Tiểu	Tiền Giang	2	10.1
6	Hòa Bình	Cửa Tiểu	Tiền Giang	18	2.2
7	An Định	Tiền	Tiền Giang	48	-
8	Bình Đại	Cửa Đại	Bến Tre	4	13.4
9	Lộc Thuận	Cửa Đại	Bến Tre	18	3.6
10	An Thuận	Hàm Luông	Bến Tre	10	10.0
11	Sơn Đốc	Hàm Luông	Bến Tre	20	2.5
12	Bến Trại	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Bến Tre	10	8.2
13	Hương Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cổ Chiên)	Bến Tre	25	0.5
14	Hưng Mỹ	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Trà Vinh	17	2.2
15	Cầu Quan	Hậu (cửa Định An)	Trà Vinh	32	-
16	Trà Vinh	Cổ Chiên (cửa Cung Hầu)	Trà Vinh	28	0.5
17	Trà Kha	Hậu (cửa Định An)	Trà Vinh	7	4.7
18	Long Phú	Hậu (cửa Trần Đề)	Sóc Trăng	15	1.5
19	Đại Ngãi	Hậu (cửa Tranh Đề)	Sóc Trăng	30	0.2
20	Trần Đề	Hậu	Sóc Trăng	10	4.0

STT	Trạm	Sông	Tỉnh	K/C đến cửa sông (km)	Smax (g/l)
21	Thanh Phú	K. Như Gia	Sóc Trăng	Nội đồng	0.3
22	Sóc Trăng	K. Maspero	Sóc Trăng	Nội đồng	0.5
23	Gành Hào	Gành Hào	Bạc Liêu	1.5	23.5
24	Sông Đốc	Sông Đốc	Cà Mau	-	30.5
25	Rạch Giá	Kiên	Kiên Giang	0	0.2
26	Gò Quao	Cái Lớn	Kiên Giang	35	1.5
27	An Ninh	Cái Bé	Kiên Giang	8	1.0



Hình 4. Bản đồ dự báo phân bố độ mặn cao nhất từ 11-20/5/2022